TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:248/2025/DS-ST

Ngày: 28/5/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lại Thị Đắc

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 519/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2025/QĐST-DS ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S2

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Tp .

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lã Ngọc M – Giấy ủy quyền số 5286 /2023/UQ-TGĐ ngày 28/2/2023 (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Hồng S(vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: 5 D, phường B, Quận H, Tp .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng thương mại cổ phần S2 và bà S1 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/6/2019, hạn mức thẻ là 55.000.000 đồng, hình thức bảo đảm là tín chấp. Bà S1 đã thực hiện các giao dịch

tổng cộng số tiền là 215.989.602 đồng, thanh toán số tiền 201.156.000 đồng. Bà S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và ngân hàng nhiều lần mời bà S1 đến để làm việc nhưng bà S1 đều không hợp tác.

Tính đến ngày 27/3/2025, bà S1 còn nợ số tiền:136.686.927 đồng, trong đó tiền gốc:63.483.704 đồng, tiền lãi:73.2023.223 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S2 yêu cầu bà S1 thanh toán số tiền tính đến 27/3/2025 là 136.686.927 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 28/3/2025 cho đến ngày bị đơn trả xong nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa nên Tòa án không thu được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm tố tụng. Yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần S2 là có căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Xét đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S2 thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại Quận H nên theo qui định của các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà S1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Ngân hàng thương mại cổ phần S2 và bà S1 có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 14/6/2019, hạn mức thẻ là 55.000.000 đồng, hình thức bảo đảm là tín chấp. Bà S1 có trách nhiệm trả số tiền vay và lãi từng kỳ theo thỏa thuận của hợp đồng. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Theo luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 thì tổ chức tín dụng và bên vay có quyền thỏa thuận về lãi suất vay nên hợp đồng vay giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S2 và bà S1 đúng qui định của pháp luật. Nghĩa vụ của bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn nhưng bà S1 không thanh toán. Tính đến ngày 27/3/2025, bà S1 còn nợ số tiền:136.686.927 đồng, trong đó tiền gốc: 63.483.704 đồng, tiền lãi:73.2023.223 đồng. Bà S1 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi chứng tỏ có việc vay nợ giữa bà S1 và Ngân hàng thương mại cổ phần S2. Bà S1 đã được triệu tập đúng qui định nhưng cố ý vắng mặt khi Tòa án triệu tập xem như bà S1 đã tự mình từ chối thực hiện các quyền lợi hợp pháp, bà S1 phải gánh chịu mọi hậu quả pháp lý do việc

vắng mặt của mình. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc Ngân hàng thương mại cổ phần S2 yêu cầu bà S1 phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cùng với tiền lãi theo hợp đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại án lệ số 08/2016/AL qui định: "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay". Như vậy, bà S1 phải tiếp tục trả tiền lãi tính kể từ ngày 28/3/2025 cho Ngân hàng thương mại cổ phần S2 trên số nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn tại hợp đồng tín dụng.

[5] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL công bố ngày 17/10/2016;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S2:

1.1. Buộc bà Nguyễn Hồng S1 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S2 số tiền tính đến ngày 27/3/2025 là 136.686.927 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27/3/2025, bà S1 còn phải trả số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân

hàng thương mại cổ phần S2 thì lãi suất mà bà S1 phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần S2.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1.Bà Nguyễn Hồng S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 6.834.346 (Sáu triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm bốn mươi sáu) đồng.

2.2. Ngân hàng thương mại cổ phần S2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.472.216 (Hai triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm mười sáu) đồng theo biên lai thu tiền số 0045393 ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM.
- VKSND Q8.
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8.
- Các đương sự.
- Lưu:VT, hs.

Lê Văn Giàu